

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-11-2019
“Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Hoàng Khương;
2. Ông Nguyễn Công Đồi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:

Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị L, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp 19, xã T, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu; có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp H, xã Th, huyện Th, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ngân hàng S; địa chỉ: Số 169, phường L, quận M, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh Y - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch huyện Th; có đơn xin vắng mặt

3.2. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1961; có đơn xin vắng mặt

3.3. Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1980; có đơn xin vắng mặt

3.4. Ông Lê Văn Tr; có đơn xin vắng mặt

Cùng địa chỉ: ấp H, xã Th, huyện Th, Kiên Giang.

3.5. Bà Trần Thị Th, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp 11, xã Th, huyện Th, tỉnh Kiên Giang; có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2018; ngày 23/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Võ Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh L được gia đình 02 bên tổ chức lễ cưới vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th. Trong quá trình chung sống anh chị luôn phát sinh mâu thuẫn do anh L có tính ghen tuông nên thường xuyên xảy ra cự cãi. Đến ngày 10/10/2018 chị L về nhà cha mẹ ruột ở, anh chị ly thân cho đến nay. Nay tình cảm không còn, chị L yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị L và anh L có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 02/4/2009 và Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh ngày 30/9/2012, hiện 02 con đang sống với chị L. Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/7/2019 chị L yêu cầu được nuôi 02 con, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi 02 con bằng 1.500.000đ/tháng (mỗi người con là 750.000đ/tháng). Tại phiên tòa, chị L thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Chị và anh L có nợ Ngân hàng S huyện Th số tiền 22.000.000đ, nợ ông Lê Văn Tr số tiền 10.440.000đ, nợ ông Phạm Thanh T số tiền 5.718.000đ và nợ tiền hui bà Trần Thị Th số tiền 29.000.000đ. Ngoài ra, không nợ ai khác.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh L được gia đình 02 bên tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th. Anh chị chung sống đến tháng 10/2018 thì chị L về nhà cha mẹ ruột ở, anh chị ly thân cho đến nay. Lý do gì chị L về nhà cha mẹ ruột ở thì anh L không rõ. Nay chị L yêu cầu ly hôn anh L thống nhất ly hôn.

Về con chung: Chị L và anh L có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 02/4/2009 và Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh ngày 30/9/2012 hiện 02 con đang sống với chị L. Anh L thống nhất giao 02 con cho chị L nuôi, anh L không cấp dưỡng.

Về nợ: Anh L và chị L có nợ Ngân hàng S huyện Th số tiền 22.000.000đ, nợ ông Lê Văn Tr số tiền 10.440.000đ, nợ ông Phạm Thanh T số tiền 5.718.000đ; nợ tiền hui bà Trần Thị Th số tiền 39.000.000đ; nợ ông Nguyễn Văn D số tiền

20.000.000đ. Ngoài ra không nợ ai khác.

Tại văn bản đề ngày 31/10/2019 Ngân hàng S trình bày: Anh L và chị L có nợ Ngân hàng S số tiền 22.000.000đ do anh L đứng tên hồ sơ vay vốn. Do anh L và chị L trong quá trình vay vốn không có vi phạm hợp đồng, vẫn đóng lãi đúng quy định và nợ vay chưa đến hạn. Vì vậy, Ngân hàng S không khởi kiện đối với anh L, chị L.

Tại biên bản ghi lời khai đề ngày 22/10/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Th trình bày: Vợ chồng anh L có tham gia với bà 03 dây hội, bà là chủ hội, anh L, chị L là hội viên. Tính nay anh L, chị L còn nợ lại số tiền hội chết là 29.000.000đ. Đối với số nợ này bà và anh L, chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai đề ngày 20/9/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thanh T trình bày: Anh L và chị L có mua vật tư thủy sản của ông và còn nợ số tiền là 5.781.000đ, đối với số tiền còn nợ ông và anh L, chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai đề ngày 18/10/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Tr trình bày: Vợ chồng anh L có mua vật tư thủy sản của ông từ 18/8/2017a1 đến 23/8/2018a1 và còn nợ lại số tiền là 10.440.000đ, đối với số tiền này ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai đề ngày 14/10/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D trình bày: Vào khoảng năm 2015 ông có cho vợ chồng anh L, chị L mượn số tiền là 20.000.000đ, đối với số tiền này ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị L và anh Nguyễn Văn L; Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 02/4/2009 và cháu Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh ngày 30/9/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh L có quyền tới lui chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con của chị L. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Viện kiểm sát không đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Chị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh L, yêu cầu được nuôi con căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: ông Nguyễn Văn D, ông Lê Văn Tr, bà Trần Thị Th, ông Phạm Thanh T và Ngân hàng S có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người này.

[3] Tại phiên tòa chị L xin rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc rút yêu cầu này là phù hợp với khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị L và anh L được gia đình 02 bên tổ chức lễ cưới vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Theo chị L trình bày trong quá trình chung sống chị L và anh L thường xuyên phát sinh mâu thuẫn đến tháng 10/2018a1 thì chị và anh L ly thân cho đến nay. Anh L cũng xác định anh và chị L ly thân từ tháng 10/2018a1. Nay tình cảm không còn, chị L yêu cầu được ly hôn với anh L; anh L thống nhất ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị L và anh Nguyễn Văn L.

[5] *Về con chung*: Chị L và anh L có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 02/4/2009 và Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh ngày 30/9/2012, hiện 02 con đang sống với chị L có cuộc sống đảm bảo. Chị L yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng; anh L đồng ý giao 02 con cho chị L nuôi. Qua xác nhận chị L cung cấp xác định chị L đủ điều kiện nuôi con và cháu A và cháu Q đều có nguyện vọng sống với chị L. Do đó, áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Thị Ngọc A và cháu Nguyễn Thị Ngọc Q cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu. Anh L có quyền tới lui, chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[6] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí sơ thẩm*: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị L là Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ, chị L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002246 ngày 24/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các Điều 55, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 6, 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/1/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị L và anh Nguyễn Văn L.

2. *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 02/4/2009 và Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh ngày 30/9/2012 (hiện đang sống với chị L) cho chị Võ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền tới lui, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con của chị L.

5. *Về án phí sơ thẩm*: Chị L là Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ, chị L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002246 ngày 24/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- UBND xã Th;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Vũ